

Số: /TB-UBND

Như Xuân, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất tại MBQH các khu dân cư xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (MBQH tại Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 24/02/2022)

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 02/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản; Công văn số 1949/BTP-BTTP ngày 14/6/2022 của Bộ Tư pháp về việc triển khai Thông tư số 02/2022/TT-BTP;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định Bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 45/QĐ-UBND ngày 14/89/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 14/2023/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh về việc Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 3821/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Như Xuân; số 949/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án đấu giá quyền sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 2596/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho UBND huyện Như Xuân phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất; số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 ban hành quy định đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 2099/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 về việc ủy quyền quyết định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư; tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá đất đối với diện tích vượt hạn mức khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của UBND huyện Như Xuân: số 299/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 về việc Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu dân cư xã Tân Bình, huyện Như Xuân; số 2248/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất tại MBQH các khu dân cư xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (MBQH tại Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 24/02/2022); số 2251/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 về việc về việc đấu giá quyền sử dụng đất tại MBQH các khu dân cư xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa

(MBQH tại Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 24/02/2022); số 2331/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 về việc phê duyệt giá khởi điểm thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất tại MBQH các khu dân cư xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (MBQH tại Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 24/02/2022);

UBND huyện Như Xuân thông báo về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất tại MBQH các khu dân cư xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (MBQH tại Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 24/02/2022), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá

- Tên người có tài sản đấu giá: UBND huyện Như Xuân.
- Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá

2.1. Tên tài sản:

Quyền sử dụng đất tại MBQH các khu dân cư xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (MBQH tại Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 24/02/2022).

2.2. Vị trí và giới hạn khu đất đấu giá quyền sử dụng đất

Khu đất lập Quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 thuộc địa giới hành chính xã Tân Bình, huyện Như Xuân. Ranh giới lập quy hoạch được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp đường giao thông;
- Phía Nam giáp khu đất trồng cây;
- Phía Đông giáp khu dân cư hiện trạng;
- Phía Tây giáp khu trang trại hiện trạng.

2.3. Số lượng, chất lượng tài sản

- Quy mô dân số dự kiến phát triển khoảng: 85 người.
- Quy mô lập quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500: 4.241,87m² (bao gồm đường giao thông đối ngoại và giao thông hiện trạng).
- Diện tích lô đấu giá: 1.694,90 m².
- Số lô đưa ra đấu giá 9 lô, gồm các lô từ LK1: 01 đến LK1: 09. Cụ thể như sau:

- + Lô LK1: 01 = 227,50 m².
- + Lô LK1: 02 = 187,50 m².
- + Lô LK1: 03 = 187,50 m².
- + Lô LK1: 04 = 187,50 m².
- + Lô LK1: 05 = 187,50 m².
- + Lô LK1: 06 = 187,50 m².
- + Lô LK1: 07 = 200,00 m².
- + Lô LK1: 08 = 181,30 m².
- + Lô LK1: 09 = 148,60 m².

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Đảm bảo các điều kiện đưa ra đấu giá.

3. Mục đích, hình thức và thời hạn sử dụng đất

- Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn.
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu

giá quyền sử dụng đất.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Hiện trạng: Đất đã hoàn thành GPMB, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, đủ điều kiện đưa ra đấu giá.

4. Dự kiến thời gian tổ chức thực hiện đấu giá: Trong quý IV năm 2023.

5. Giá khởi điểm để thực hiện đấu giá Quyền sử dụng đất:

Tổng giá khởi điểm các lô đất đấu giá đợt này là: 1.717.650.000 đồng. (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm mười bảy triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) (Có biểu chi tiết kèm theo)

6. Dự kiến tiền tối thiểu thu được: Tổng giá trị giá khởi điểm các lô đất đấu giá: 1.717.650.000 đồng. (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm mười bảy triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

7. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá Quyền sử dụng đất

7.1. Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá: Có phòng bán đấu giá và các trang thiết bị cần thiết phục vụ đấu giá: tối thiểu 10 bộ bàn, ghế hội trường; 02 máy tính, 01 máy chiếu.

7.2. Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả: Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả và có tiến độ thực hiện hoàn thành việc đấu giá Quyền sử dụng đất trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng dịch vụ đấu giá Quyền sử dụng đất.

7.3. Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản:

- Có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đấu giá Quyền sử dụng đất;

- Có tối thiểu 01 đấu giá viên;

- Đã thực hiện bán đấu giá Quyền sử dụng đất thành công tối thiểu 02 Hợp đồng theo hình thức đấu giá bằng bỏ phiếu kín trực tiếp và phương thức đấu giá trả giá lên.

7.4. Nhóm tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp: Tổ chức đấu giá Quyền sử dụng đất đề xuất thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp theo quy định tại Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính.

7.5. Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định: Có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Đã thực hiện ít nhất 1 hợp đồng đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Như Xuân năm trước liền kề.

7.6. Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố: Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá do Sở Tư pháp Thanh Hóa công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp Thanh Hóa.

Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của tổ chức đấu giá tài sản: Bản sao chứng thực Quyết định thành lập, đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động; có ngành nghề kinh doanh phù hợp theo quy định pháp luật. Hồ sơ kê khai năng lực của đội ngũ đấu giá viên, nhân viên của tổ chức đấu giá tài sản.

Có Phụ lục II: Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản

8. Phương pháp đánh giá để lựa chọn Tổ chức đấu giá: Căn cứ Điều 5 “Đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản”, của Thông tư số

02/TT-BTP, thực hiện cụ thể như sau:

8.1. Người có tài sản đấu giá tự đánh giá hoặc thành lập tổ đánh giá hoặc lựa chọn hình thức khác để đánh giá các tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản và chịu trách nhiệm về việc đánh giá này.

8.2. Người có tài sản đấu giá căn cứ thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của tổ chức đấu giá tài sản chấm điểm theo tất cả các tiêu chí quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông báo này và xử lý các tình huống theo quy định tại các khoản 8.4, 8.5, 8.6, và 8.7 mục này.

8.3. Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

8.4. Trường hợp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ mà tổ chức đấu giá tài sản có người đại diện theo pháp luật hoặc đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản do thực hiện hành vi nhân danh, vì lợi ích hoặc có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của tổ chức đấu giá tài sản đó thì tổ chức đấu giá tài sản đó bị trừ 50% tổng số điểm.

8.5. Trường hợp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ mà tổ chức đấu giá tài sản thuộc một trong các trường hợp sau thì thực hiện như sau:

a) Có đấu giá viên của tổ chức mình bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản thì cứ mỗi đấu giá viên bị xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức đấu giá tài sản đó bị trừ 5% tổng số điểm;

b) Tổ chức đấu giá tài sản bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản, trừ hành vi bị xử phạt quy định tại điểm c khoản này thì cứ mỗi hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức đấu giá tài sản đó bị trừ 5% tổng số điểm;

c) Tổ chức đấu giá tài sản không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản theo công bố của cơ quan có thẩm quyền thì tổ chức đấu giá tài sản đó bị trừ 20% tổng số điểm;

d) Có đấu giá viên của tổ chức mình bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5.4 Mục này thì tổ chức đấu giá tài sản đó bị trừ 20% tổng số điểm.

8.6. Trường hợp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ mà tổ chức đấu giá tài sản thuộc trường hợp đã bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ quy định tại khoản 8.7 Mục này hoặc đã bị hủy bỏ kết quả lựa chọn quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư 02/TT-BTP thì tổ chức đấu giá tài sản đó bị trừ 70% tổng số điểm.

8.7. Trường hợp có cơ sở xác định tổ chức đấu giá tài sản cố ý cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin về tiêu chí trong hồ sơ thì người có tài sản từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ của tổ chức đấu giá tài sản đó.

8.8. Trường hợp đến hết ngày nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn mà chỉ có

một tổ chức đấu giá tài sản đăng ký thì người có tài sản xem xét, quyết định lựa chọn tổ chức đó nếu đáp ứng quy định của Luật Đấu giá tài sản, Thông tư 02/TT-BTP và pháp luật có liên quan.

9. Thành phần nộp hồ sơ đăng ký tham gia

- Đơn đăng ký tham gia tổ chức đấu giá Quyền sử dụng đất (Bản chính).
- Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực, chứng minh cơ sở vật chất, trang bị chứng minh năng lực, kinh nghiệm và uy tín của Tổ chức đấu giá Quyền sử dụng đất (Bản sao chứng thực).
- Phương án bán đấu giá Quyền sử dụng đất (Bản chính).

10. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia

- Thời gian nộp hồ sơ: Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày đăng thành công trên công thông tin Quốc gia về đấu giá tài sản (trong giờ hành chính); hồ sơ đã nộp để đăng ký tham gia, không được hoàn trả lại.

- Địa điểm: Phòng Tài nguyên – Môi trường, UBND huyện Như Xuân;
- Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, Thanh Hóa.

Mọi chi tiết liên hệ trực tiếp Đ/c Phạm Văn Tuấn (SĐT: 0988.482.289) trong giờ hành chính tại phòng Tài nguyên – Môi trường, UBND huyện Như Xuân./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND huyện (để b/c);
- Phòng TN và MT;
- Các tổ chức, đơn vị có liên quan;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tuất

Số lượng, giá khởi điểm để tổ chức đấu quyền sử dụng đất tại MBQH các khu dân cư xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (MBQH tại Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 24/02/2022)

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Như Xuân)

TT	Tên lô	Diện tích đấu giá lô đất ở (m2)	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất			Tiền đặt cọc (đồng/01 bộ hồ sơ)	Ghi chú
			Đơn giá tại bảng giá đất theo quyết định số 44/2019/QĐ-UBND (đồng/m2)	Đơn giá theo vị trí (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)		
1	Lô LK1: 01	227.5	600,000	1,100,000	250,250,000	50,050,000	
2	Lô LK1: 02	187.5	600,000	1,000,000	187,500,000	37,500,000	
3	Lô LK1: 03	187.5	600,000	1,000,000	187,500,000	37,500,000	
4	Lô LK1: 04	187.5	600,000	1,000,000	187,500,000	37,500,000	
5	Lô LK1: 05	187.5	600,000	1,000,000	187,500,000	37,500,000	
6	Lô LK1: 06	187.5	600,000	1,000,000	187,500,000	37,500,000	
7	Lô LK1: 07	200.0	600,000	1,000,000	200,000,000	40,000,000	
8	Lô LK1: 08	181.3	600,000	1,000,000	181,300,000	36,260,000	
9	Lô LK1: 09	148.6	600,000	1,000,000	148,600,000	29,720,000	
	Tổng	1,694.9			1,717,650,000	343,530,000	

(Bảng chữ: Một tỷ, bảy trăm mười bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)

PHỤ LỤC II**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN***(Quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả	6,0

	<i>các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0
4	<i>So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i>	3,0
4.1	<i>01 đấu giá viên</i>	1,0
4.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	2,0
4.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	3,0
5	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</i>	4,0
5.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	2,0

5.2	<i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	3,0
5.3	<i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	4,0
6	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</i>	5,0
6.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2,0
6.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	3,0
6.3	<i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>	4,0
6.4	<i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>	5,0
7	<i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</i>	3,0
7.1	<i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>	2,0
7.2	<i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>	3,0
8	<i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>	1,0
IV	<i>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i>	5,0
1	<i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>	3,0
2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0
V	<i>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</i>	5,0
1	<i>Có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</i>	3,0
2	<i>Đã thực hiện ít nhất 1 hợp đồng đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Như Xuân năm trước liền kề.</i>	2,0
Tổng số điểm		100
VI	<i>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>